

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 734/2025/ HNGĐ-ST

Ngày: 26/09/2025

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Lũy.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Phước

2. Ông Võ Văn Lợi

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thị Xuân Thu - Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh:* Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 834/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 834/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên Tòa số 45/2025/QĐST-TA ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kiều Thanh T, sinh năm 1978

Thường trú: Số F, Đường D, phường T, Thành phố T, TP Hồ Chí Minh nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1978

Thường trú: Số F, Đường D, phường T, Thành phố T, TP Hồ Chí Minh nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà T xin vắng mặt, ông V vắng không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên Tòa ngày hôm nay bà Kiều Thanh T tuy vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại biên bản về việc không tiến hành hòa giải được thì nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Bà và ông Nguyễn Hoàng V tự nguyện kết hôn vào năm 2004, giấy chứng nhận kết hôn số 137/2024, quyển số 01, ngày 20 tháng 12 năm 2004, do Ủy ban nhân dân phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời gian ban đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian hạnh phúc không bao lâu thì mất dần nguyên nhân là do ông bà không hiểu nhau thường xuyên cãi nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt dần, hiện tại không ai lo cho ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V. Về con chung, B và ông Nguyễn Hoàng V có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng T1 sinh ngày 21/07/1997, Nguyễn Hồng T2 sinh ngày 23 tháng 01 năm 2000 (Đã trưởng thành), Nguyễn Hoàng T3 sinh ngày 22 tháng 4 năm 2008. Ly hôn, bà nuôi con Nguyễn Hoàng T3, bà không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng V cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn – ông Nguyễn Hoàng V vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Từ khi Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về yêu cầu của bà Kiều Thanh T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Kiều Thanh T và ông Nguyễn Hoàng V là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, do đó căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực. Bị đơn cư trú phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó căn cứ vào khoản 4 Điều 36 Bộ luật Tố tụng dân sự tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Nguyễn Hoàng V là bị đơn trong vụ án, trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Hoàng V tất cả các văn bản tố tụng theo quy định,

nhưng ông Nguyễn Hoàng V đều không đến Tòa, không có đơn trình báo. Thái độ bất hợp tác của ông Nguyễn Hoàng V đã thể hiện sự không tôn trọng pháp luật, không tôn trọng Tòa án, hành vi trên cũng đồng nghĩa với việc tự từ bỏ nghĩa vụ cũng như quyền lợi của mình mà pháp luật đã quy định; Nguyên đơn có đơn xin được vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự thì bà Kiều Thanh T yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Hoàng V. Bà Kiều Thanh T yêu cầu được nuôi 01 (một) con Nguyễn Hoàng T3, không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng V cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét:

[1] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày cũng như yêu cầu của bà Kiều Thanh T, yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V, yêu cầu của bà Kiều Thanh T, Hội đồng xét xử xét: Bà Kiều Thanh T và ông Nguyễn Hoàng V tự nguyện chung sống và được Ủy ban nhân dân phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 137/2004, quyển số 01, ngày 20 tháng 12 năm 2004 nên hôn nhân giữa bà Kiều Thanh T và ông Nguyễn Hoàng V là hôn nhân hợp pháp đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Trong quá trình chung sống, bà Kiều Thanh T cho rằng thời gian đầu của hôn nhân bà và ông Nguyễn Hoàng V sống với nhau rất hạnh phúc, cả hai luôn quan tâm chăm sóc đến nhau và khi có con chung cả hai đều tập trung lo cho con chung. Tuy nhiên, hạnh phúc giữa bà và ông Nguyễn Hoàng V kéo dài không lâu thì mất dần hạnh phúc nguyên nhân cơ bản là giữa bà và ông Nguyễn Hoàng V không cùng chung quan điểm sống, không cảm thông hay chia sẻ những vướng mắc trong cuộc sống. Bà thấy hiện tại bà và ông Nguyễn Hoàng V không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện tại bà và ông Nguyễn Hoàng V đã sống ly thân. Từ lời trình bày của bà Kiều Thanh T và qua hành vi không đến Tòa của ông Nguyễn Hoàng V đã cho thấy thực chất mâu thuẫn gia đình giữa bà Kiều Thanh T, ông Nguyễn Hoàng V là có thật và tồn tại trong khoảng thời gian dài, các bên đã không tích cực tìm cách giải quyết mâu thuẫn, trở về đoàn tụ, cùng chung lo hạnh phúc gia đình và tương lai của con, ngược lại cả hai đều bỏ mặc. Cách hành xử của bà Kiều Thanh T và ông Nguyễn Hoàng V đã thể hiện cả hai đã không còn thật sự yêu thương nhau, không còn tôn trọng nhau. Do đó việc duy trì đời sống hôn nhân giữa bà Kiều Thanh T và ông Nguyễn Hoàng V sẽ không mang lại điều gì tốt đẹp mà chỉ gây tổn hại thêm cho cả hai phía. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Kiều Thanh T là có căn cứ, đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

[3] Trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Hoàng V đã biết việc bà Kiều Thanh T đã có đơn yêu cầu được ly hôn với ông, nhưng ông đã không đến Tòa, không có văn bản nêu ý kiến của mình. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về con chung: Theo lời khai của bà Kiều Thanh T, thì bà và ông Nguyễn Hoàng V có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng T1 sinh ngày 21/07/1997, Nguyễn Hồng T2 sinh ngày 23 tháng 01 năm 2000 (Đã trưởng thành), Nguyễn Hoàng T3 sinh ngày 22 tháng 4 năm 2008. Hiện tại con chung Nguyễn Hoàng T3 đang sống với bà Kiều Thanh T. Ly hôn, bà Kiều Thanh T có yêu cầu nuôi con chưa trưởng thành, yêu cầu của bà Kiều Thanh T là có cơ sở, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, bà Kiều Thanh T tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng V cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà Kiều Thanh T nên ghi nhận. Đối với 02 con tên Nguyễn Hoàng T1 sinh ngày 21/07/1997, Nguyễn Hồng T2 sinh ngày 23 tháng 01 năm 2000 đã trưởng thành, bà Kiều Thanh T không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kiều Thanh T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Kiều N có yêu cầu ly hôn nên bà Kiều Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 36; khoản 4 Điều 147; Điều 198; Điều 220, Điều 227; Điều 271; Điều 273, Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Kiều Thanh T.

Bà Kiều Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 137/2004, quyển số 1 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 12 năm 2004 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Kiều Thanh T và ông Nguyễn Hoàng V chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật;

2. Về con chung: Giao bà Kiều Thanh T nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng T3 sinh ngày 22 tháng 4 năm 2008. Ghi nhận việc bà Kiều Thanh T không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng V cấp dưỡng nuôi con. Đối với 02 con tên Nguyễn Hoàng T1 sinh ngày 21/07/1997, Nguyễn Hồng T2 sinh ngày 23 tháng 01 năm 2000 đã trưởng thành, bà Kiều Thanh T không yêu cầu Tòa án xem xét.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Kiều Thanh T không yêu cầu Tòa án xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Kiều Thanh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà bà Kiều Thanh T đã nộp theo biên lai thu số 0072958 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh lập. Bà Kiều Thanh T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản sao bản án tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Lũy